

PHỤ LỤC

SO SÁNH CÁC ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 193/2026/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 254/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Văn bản số .../STC-QTDA ngày 08/6/2026 của Sở Tài chính)

STT	Tiêu chí/Nội dung	Quy định cũ (Nghị định số 254/2025/NĐ-CP của Chính phủ)	Điểm mới (Nghị định số 193/2026/NĐ-CP của Chính phủ)
1	Phạm vi điều chỉnh	Quy định về phạm vi: Quản lý, thanh toán và quyết toán (bao gồm quyết toán niên độ và quyết toán dự án hoàn thành) đối với dự án vốn đầu tư công (Khoản 1, 2, 3 Điều 1).	Quy định về công tác quyết toán vốn đầu tư. Bổ sung phạm vi áp dụng đối với dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước và vốn ngân sách nhà nước khác (Khoản 1, 2 Điều 1). Nhóm dự án có thể áp dụng khác (Khoản 3, 4 Điều 1)
2	Áp dụng đối với dự án ngoài nhà nước	Không quy định; chỉ liệt kê các trường hợp ngoại lệ không áp dụng (Khoản 5 Điều 1).	Quy định cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể áp dụng các quy định tại Nghị định để lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán cho các dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Khoản 1, 2 (Khoản 4 Điều 1).
3	Quy định áp dụng riêng đối với dự án bí mật nhà nước, ngoại giao	Định nghĩa dự án bí mật nhà nước tại phần giải thích từ ngữ; nội dung quản lý và thanh toán được quy định chi tiết tại các điều khoản chung (Khoản 2 Điều 3; Điều 14, Điều 15).	Giao thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao quy định việc lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán phù hợp với yêu cầu đặc thù quản lý ngành (Khoản 5 Điều 1).
4	Khái niệm và giải thích từ ngữ	Quy định chi tiết các thuật ngữ, khái niệm (Điều 3).	Bao gồm khái niệm về "Vốn ngân sách nhà nước khác" và "Chi phí hợp pháp" (Điều 3).
5	Quy trình xử lý trường hợp nhà thầu không phối hợp thực hiện quyết toán hợp đồng	Quy định Chủ đầu tư phải nộp Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (A-B) theo Mẫu số 03.c/QT khi làm thủ tục trình duyệt; chưa có quy định hướng dẫn xử lý khi nhà thầu không phối hợp (Khoản 1 Điều 33).	Bổ sung quy định: Chủ đầu tư gửi văn bản đề nghị 03 lần (mỗi lần cách nhau 10 ngày). Quá 15 ngày kể từ văn bản lần 03 mà nhà thầu không thực hiện, Chủ đầu tư được quyền lập hồ sơ quyết toán dựa trên hồ sơ thực tế thực hiện mà không cần chữ ký và dấu của nhà thầu. Văn bản đề nghị theo Mẫu số 02/QTDA (Khoản 5 Điều 7).
6	Trường hợp dự án phải thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán	Các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công khi hoàn thành phải kiểm toán báo cáo quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán (trừ dự án thuộc danh mục bí mật nhà nước). Các dự án còn lại do người quyết định đầu tư xem xét, quyết định (Khoản 3 Điều 34).	Bổ sung dự án sử dụng nguồn chi thường xuyên từ NSNN, vốn NSNN khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công phải kiểm toán báo cáo quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Khoản 1 Điều 9).
7	Thời gian thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Nhóm A: Thẩm tra 08 tháng, Phê duyệt 01 tháng. Nhóm B: Thẩm tra 05 tháng, Phê duyệt 20 ngày. Nhóm C: Thẩm tra 04 tháng, Phê duyệt 15 ngày (Điều 46).	Điều chỉnh giảm thời gian thực hiện: Nhóm A: Thẩm tra 04 tháng, Phê duyệt 15 ngày. Nhóm B: Thẩm tra 2,5 tháng, Phê duyệt 10 ngày. Nhóm C: Thẩm tra 02 tháng, Phê duyệt 07 ngày (Điều 21).

STT	Tiêu chí/Nội dung	Quy định cũ (Nghị định số 254/2025/NĐ-CP của Chính phủ)	Điểm mới (Nghị định số 193/2026/NĐ-CP của Chính phủ)
8	Trường hợp đặc thù đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin	Các dự án đã có báo cáo Kiểm toán nhà nước hoặc kết luận thanh tra phải thực hiện trình tự nộp hồ sơ qua bước thẩm tra quyết toán (Khoản 3 Điều 34).	Đối với dự án nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia/vùng, dự án đổi mới sáng tạo: Trường hợp Kiểm toán nhà nước hoặc cơ quan thanh tra đã ban hành báo cáo/kết luận, Chủ đầu tư căn cứ kết quả đó để lập báo cáo quyết toán, không yêu cầu thẩm tra trước khi phê duyệt (Điểm d Khoản 2 Điều 8).
9	Biểu mẫu quyết toán A-B	Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng A-B theo Mẫu số 03.c/QT (Điểm d Khoản 1 Điều 33).	Thay thế bằng Mẫu số 01/QTDA (Điểm d Khoản 1 Điều 7).
10	Phạm vi và đối tượng kiểm tra định kỳ, đột xuất	Kiểm tra toàn bộ hoạt động từ sử dụng vốn tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành, quyết toán niên độ đến quyết toán dự án hoàn thành. Yêu cầu kiểm tra bao gồm cả Cơ quan thanh toán và Nhà thầu thi công (Khoản 1, 2, 3 Điều 48).	Đối tượng kiểm tra được thu hẹp, không quy định trực tiếp việc kiểm tra Cơ quan thanh toán và Nhà thầu (Điều 23).
11	Nhiệm vụ của Cơ quan tài chính các cấp/Cơ quan thẩm tra	Quy định chức năng thực hiện nhiều nhiệm vụ xuyên suốt dự án bao gồm: kiểm tra phân bổ vốn đầu tư công, thao tác trên hệ thống Tabmis, hướng dẫn đăng ký tài khoản tại Kho bạc bên cạnh công tác thẩm tra quyết toán (Điều 50).	Tập trung vào chức năng hướng dẫn, kiểm tra và thẩm tra báo cáo quyết toán (Điều 25).
12	Nhiệm vụ của Cơ quan thanh toán	Thực hiện nhiệm vụ thanh toán vốn, đơn đốc thu hồi vốn tạm ứng, tạm ngừng thanh toán khi phát hiện sai phạm, báo cáo số liệu giải ngân (Điều 51).	Bao gồm: Xác nhận, đối chiếu số liệu giải ngân để Chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán và thực hiện thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Điều 26).
13	Hiệu lực thi hành		Bãi bỏ/ thay thế một số nội dung quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP (Điều 31)